

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 119/2020/HS-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Màu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Nguyễn Công Tước và ông Nguyễn Tiến Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luận - Thẩm tra viên Tòa án Nhân dân thành phố V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2020/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 113/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/4/1994 tại Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 2, khu N, thị trấn P, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Đào Thị S; có vợ là Bùi Thị Bích P và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 cho đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị Thu T1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu 10, phường Đông Đa, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 40 phút, ngày 04/6/2020, tại khu vực gần cổng Khách sạn BVg, thuộc đường N, tổ dân phố C, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Tổ công tác phòng chống tội phạm Công an thành phố V phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Anh T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho đối tượng nghiện là Vũ Thị Thu T1.

Tang vật thu giữ gồm có: Thu tại lòng bàn tay phải của Nguyễn Anh T 01 gói nilon bên trong có các hạt tinh thể dạng đá màu trắng (T tự khai nhận đây là ma túy đá của T mang đi bán cho T1 nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang), vật chứng được niêm phong có ký hiệu A1; thu tại túi quần sau bên phải đang mặc của T số tiền 500.000đ (T khai nhận đây là số tiền vừa bán ma túy cho T1 mà có); tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng.

Tại kết luận giám định số: 1317/KLGĐ ngày 08/6/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “*Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,1646g loại Methamphetamine*”.

Về nguồn gốc gói ma túy thu giữ Nguyễn Anh T khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 04/6/2020, Nguyễn Anh T đang đi bộ tại khu vực đường H, thuộc phường Đ, thành phố V thì gặp và hỏi mua của 01 người phụ nữ khoảng 40 tuổi, tóc ngắn, gầy đen 01 gói ma túy đá với giá 300.000đ, mục đích để sử dụng hoặc có ai mua thì bán kiếm lời. Sau khi có ma túy, T nhận được điện thoại của T1 hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 500.000đ. T hẹn T1 đến khu vực cổng khách sạn B để trao đổi mua bán. Gặp nhau, T1 đưa cho T 500.000đ, T cầm tiền cất vào túi quần phía sau bên phải, đồng thời lấy gói ma túy ra để đưa cho T1 nhưng chưa kịp đưa thì bị Công an bắt quả tang và thu giữ tang vật như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 118/CT-VKSTPVY ngày 07/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Anh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Anh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,1177 gam ma túy và toàn bộ bao gói ma túy còn lại sau giám định; tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ thu giữ của Nguyễn Anh T; tịch thu, bán phát mại, sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhận hiệu OPPO đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Anh T.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Anh T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 21 giờ 40 phút, ngày 04/6/2020, tại khu vực gần cổng Khách sạn B, thuộc đường N, tổ dân phố C, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Nguyễn Anh T đã có hành vi bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng

0,1646 gam cho đối tượng nghiện là Vũ Thị Thu T1 thì bị Tổ công tác phòng chống tội phạm, Công an thành phố V phát hiện và bắt quả tang.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Anh T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm".

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 07 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhưng hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ là thu lời bất chính, hiện tại trên địa bàn thành phố V các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ. Tuy nhiên, bị cáo không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với các người có liên quan đến vụ án gồm: Người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo T tại khu vực đường Hùng Vương. Quá trình điều tra bị cáo khai không biết rõ nhân thân của người này nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ đề cập xử lý sau là đúng pháp luật. Đối với chị Vũ Thị Thu T1 là người hỏi mua

ma túy của bị cáo T để sử dụng, nhưng chỉ T1 chưa nhận được ma túy thì bị bắt quả tang nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý T1 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[6] Về vật chứng: Đối với số ma túy và bao gói ma túy hoàn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy; đối với số tiền 500.000đ đã thu giữ của bị cáo T cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; đối với chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo T, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đó là tài sản của bị cáo T nhưng do bị cáo T đã sử dụng để liên lạc vào việc phạm tội nên cần tịch thu, bán phát mại, sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 04/6/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,1177gam ma túy và bao gói ma túy hoàn lại sau giám định; tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ đã thu giữ của Nguyễn Anh T; tịch thu, bán phát mại, sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Anh T (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 12/8/2020).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSNDTP V;
- Công an TP V;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS TP V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Mâu Văn Mùi